TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 101/2019/KDTM - ST
Ngày: 30/12/2019
V/v *Tranh chấp Hợp đồng mua bán cổ phần.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lê Thị Thảo

- Bà Nguyễn Quỳnh Thơ

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử công khai sơ thẩm Vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 131/2019/TLST-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2019/QĐXX ngày 16 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ông Lê Đại D**, sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: TDP x, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và nơi cư trú: N36 ngõ 67A Trương Định, quận Hai bà Trưng, TP Hà Nội (Nay là số nhà: 14 ngõ 20, đường Phương Canh, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Giấy chứng minh thư nhân dân số xxxxxxxxxxx cấp ngày 24/12/2012 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.

(Ông D vắng mặt tại phiên toà)

- **Bị đơn: Công ty C.T.T.C I – Ngân hàng X (tên công ty viết tắt là Y)** Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế doanh nghiệp Nhà nước, mã số doanh nghiệp: 0100780297 (số ĐKKD cũ: 010600597) đăng ký lần đầu ngày 07/12/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 06/11/2018); Địa chỉ trụ sở chính: Số x, phố y, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Ngọc T – Tổng Giám đốc

- Phụ trách điều hành Công ty Y: Bà Trương Thị Xuân T - Tổng

giám đốc Công ty C.T.T.C I Ngân hàng X (Y) theo Quyết định về bổ nhiệm cán bộ số 807/QĐ – HĐTV – UBNS ngày 02/10/2019 của ông Phạm Hoàng Đ - TM. Hội đồng thành viên - TUQ. Chủ tịch Hội đồng thành viên – Thành viên Hội đồng thành viên - Ngân hàng X).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Mạnh T (Sinh năm 1974; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 18A Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng) – Phó phòng phụ trách phòng kế hoạch Tổng hợp và quản trị rủi ro Công ty Y (Theo Giấy ủy quyền số 570/Y – HCNS ngày 06/12/2019 của Bà Trương Thị Xuân T - Tổng giám đốc, phụ trách điều hành Y).

(Ông Nguyễn Mạnh T có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Trong đơn khởi kiện ngày 30/10/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Đại D trình bầy:***

Được biết Công ty C.T.T.C I – Ngân hàng X (tên công ty viết tắt là: Y) thực hiện cổ phần hóa và chào bán đấu giá cổ phần, ông Lê Đại D đã tự nguyện mua cổ phần của Y, cụ thể ông D đã tiến hành mua 11.000 (mười một nghìn) cổ phần của Y tại Trung Tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội vào đợt 1 ngày 18/12/2008 và mua 10.000 cổ phần, đợt 2 vào ngày 10/4/2009 mua 900 cổ phần và mua 100 cổ phần ưu đãi vào tháng 5/2009. Tổng số cổ phần ông D đã mua của Y là**:** 11.000 (mười một nghìn) cổ phần. Tổng số tiền ông D đã nộp cho Y số tiền là 114.889.600 đồng (một trăm mười bốn triệu, tám trăm tám chín nghìn, sáu trăm đồng) và được Y cấp cho ông D "Giấy chứng nhận nộp tiền mua cổ phần" năm 2010 thể hiện ông D đã mua 11.000 (Mười một nghìn) cổ phần của Y.

Đến nay, sau khi ông D đã thanh toán đầy đủ số tiền mua 11.000 cổ phần cho Y, ông D đã nhiều lần liên hệ với Y để yêu cầu ghi nhận tư cách cổ đông thì được biết việc cổ phần hóa của Y không thành công.

Việc Công ty C.T.T.C I – Ngân hàng X (Y) cổ phần hoá không thành công là do Y không thực hiện các biện pháp cần thiết để tiếp tục thực hiện việc cổ phần hóa theo quy định tại Điều 43 Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01/8/2007. Theo quy định nêu trên thì rõ ràng Y đã không thực hiện nghĩa vụ của mình đó là hoàn thành công việc cổ phần hóa Y và Y là bên hoàn toàn có lỗi trong giao dịch dân sự mua bán cổ phần với ông D nên ông D đề nghị Tòa án chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng chuyển
nhượng cổ phần này.

Nay ông D đề nghị Tòa án buộc Công ty C.T.T.C I – Ngân hàng X phải hoàn trả cho ông D số tiền **114.889.600 đồng (một trăm mười bốn triệu, tám trăm tám chín nghìn sáu trăm đồng)** ông D đã bỏ ra để mua **11.000** (mười một nghìn) cổ phần của Công ty C.T.T.C I - Ngân hàng X theo "Giấy chứng nhận nộp

tiền mua cổ phần" năm 2010 mà Y đã cấp cho ông D. Ngoài ra, ông D không yêu cầu Công ty C.T.T.C I – Ngân hàng X (Y) phải thanh toán trả ông D khoản tiền lãi của số tiền trên, ông D không yêu cầu bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng. Ngoài ra, ông Lê Đại D không còn yêu cầu nào khác.

* ***<u>Công ty C.T.T.C I – Ngân hàng X do ông Nguyễn Mạnh T là đại diện theo uỷ quyền trình bày:</u>***

Ông Nguyễn Mạnh T là đại diện theo ủy quyền của Công ty C.T.T.C I – Ngân hàng X (tên công ty viết tắt là: Y) (Theo Giấy ủy quyền số 570/Y – HCNS ngày 06/12/2019 của Bà Trương Thị Xuân T - Tổng giám đốc, phụ trách điều hành Y) trong vụ án Kinh doanh thương mại do Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý số 131/2019/TLST- KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán cổ phần" giữa Nguyên đơn là ông Lê Đại D và bị đơn là Công ty C.T.T.C I – Ngân hàng X (Y).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế doanh nghiệp Nhà nước, mã số doanh nghiệp: 0100780297 (số ĐKKD cũ: 010600597) đăng ký lần đầu ngày 07/12/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 06/11/2018 thì Người đại diện theo pháp luật vẫn là ông Phạm Ngọc T (Nguyên Tổng giám đốc Công ty C.T.T.C I - Ngân hàng X (Y); hiện nay Y vẫn hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nói trên và chưa có sự thay đổi. Y đang làm tiến hành làm thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh.

- Ngày 12/6/2019, ông Trịnh Ngọc Khánh - Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng X đã có quyết định số 436/QĐ – HĐTV – UBNS ngày 12/6/2019 về việc điều động cán bộ đối với ông Phạm Ngọc T như sau:

Điều 1: Điều động ông Phạm Ngọc T, thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 – 2020 kiêm Tổng Giám đốc Công ty C.T.T.C I Ngân hàng X (Y) nhận nhiệm vụ Giám đốc Agribank – Chi nhánh Tây Quảng Ninh. Thời hạn giữ chức vụ kể từ ngày 15/6/2019 cho đến khi đủ tuổi nghỉ chế độ hưu theo quy định.

- Theo Quyết định về bổ nhiệm cán bộ số 807/QĐ – HĐTV – UBNS ngày 02/10/2019 của ông Phạm Hoàng Đ - TM. Hội đồng thành viên - TUQ. Chủ tịch Hội đồng thành viên – Thành viên Hội đồng thành viên - Ngân hàng X, bà Trương Thị Xuân T đã được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc - Phụ trách điều hành Y. Thời hạn giữ chức vụ là 05 năm, kể từ ngày 10/10/2019.Tuy vậy, hiện nay Y chưa xong làm thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật trong đăng ký kinh doanh được.

Ông Nguyễn Mạnh T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 2923/TB – TLVA ngày 05/12/2019 của Toà án quận Đống Đa và đồng ý với nội dung thông báo trên.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Bộ tài chính và Ngân hàng X, Y được phép chuyển đổi mô hình hoạt động từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần. Y đã tiến hành đấu giá cổ phần tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ông Lê Đại D đã thực hiện mua 11.000 cổ phần của Y tại Trung Tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội vào đợt 1 ngày 18/12/2008 và mua 10.000 cổ phần, đợt 2 vào ngày 10/4/2009 mua 900 cổ phần và mua ưu đãi vào tháng 5/2009 là 100 cổ phần. Tổng số cổ phần ông D đã mua của Y là**:** 11.000 (mười một nghìn) cổ phần. Tổng số tiền ông D đã nộp cho Y số tiền là 114.889.600 đồng (một trăm mười bốn triệu, tám trăm tám chín nghìn, sáu trăm đồng) và được Y cấp cho ông D "Giấy chứng nhận nộp tiền mua cổ phần" năm 2010 thể hiện ông D đã mua 11.000 (mười một nghìn) cổ phần của Y.

Tuy nhiên, do kết quả IPO của Y, số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư thông thường không đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định nên Y không tiến hành được Đại hội đồng cổ đông. Vì vậy, Y chưa thể hoàn tất việc cổ phần hóa doanh nghiệp, hay nói cách khác, Y đã không cổ phần hóa thành công nhưng đây hoàn toàn là do bối cảnh khách quan mang lại.

Khi biết được Y không cổ phần hóa thành công, ông D đã tới Y yêu cầu chi trả số tiền: 114.889.600 đồng (một trăm mười bốn triệu, tám trăm tám chín nghìn, sáu trăm đồng) mà ông D đã chuyển khi mua cổ phiếu. Y cũng đã có các văn bản trả lời và đến nay Y vẫn chưa thể thực hiện trả lại tiền đầu tư Cổ phần của ông D cũng như những Nhà đầu tư mua cổ phần khác, do Y phải chờ ý kiến chỉ đạo của Chính phủ về việc dừng cổ phần hóa.

Đến nay Y vẫn đang chờ phê duyệt phương án xử lý pháp nhân, dừng cổ phần hoá của các cấp có thẩm quyền để hoàn trả vốn cho các nhà đầu tư đã mua cổ phần của Y.

Đối với vụ việc ông Lê Đại D khởi kiện Y và yêu cầu Quý Tòa buộc Y: Hoàn trả cho ông D số tiền 114.889.600 đồng (một trăm mười bốn triệu, tám trăm tám chín nghìn, sáu trăm đồng) mà ông D đã bỏ ra để mua 11.000 (mười một nghìn) cổ phần của Y theo "Giấy chứng nhận nộp tiền mua cổ phần" năm 2010 mà Y đã cấp cho ông D, Y đề nghị Quý Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Thực tế đến nay, Y xác nhận việc cổ phần hóa của Y là không thực hiện được. Nay, Y sẽ thực hiện trả lại tiền mua cổ phần cho ông Lê Đại D theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì hiện nay chưa có quyết định nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên Y không đồng ý trả cho ông D số tiền 114.889.600 đồng (một trăm mười bốn triệu, tám trăm tám chín nghìn, sáu trăm đồng) mà ông D đã bỏ ra để mua 11.000 (mười một nghìn) cổ phần của Y. Y do ông Nguyễn Mạnh T là đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là Bị đơn trong vụ án và không có bất kỳ yêu cầu độc lập nào. Y không có tài liệu chứng cứ nào khác để nộp cho Tòa án. Y do ông T là đại diện theo ủy quyền đề nghị Tòa

án căn cứ vào pháp luật để giải quyết vụ án. Ngoài ra, Công ty C.T.T.C I – Ngân hàng X do ông T là người đại diện theo ủy quyền không trình bày gì thêm và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

*** Tại phiên toà:**

- Nguyên đơn là ông Lê Đại D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt. Tại đơn xin vắng mặt, ông D giữ nguyên những yêu cầu khởi kiện: ông D đề nghị Tòa án xác định Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng hợp pháp và đề nghị Tòa án chấm dứt hiệu lực của hợp đồng này do bên bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 114.889.600 đồng (một trăm mười bốn triệu, tám trăm tám chín nghìn, sáu trăm đồng) mà nguyên đơn đã bỏ ra để mua 11.000 (mười một nghìn) cổ phần của Y theo "Giấy chứng nhận nộp tiền mua cổ phần" năm 2010. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

- Bị đơn do ông Nguyễn Mạnh T đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa: xác nhận việc ông Lê Đại D đã mua tổng số 11.000 (mười một nghìn) cổ phần của Y tại Trung Tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Cụ thể vào đợt 1 ngày 18/12/2008 ông D đã mua 10.000 cổ phần, đợt 2 vào ngày 10/4/2009 mua 900 cổ phần và mua ưu đãi 100 cổ phần vào khoảng tháng 5/2009 ông D mua 11.000 cổ phần. Tổng số tiền ông D đã nộp cho Y là 114.889.600 đồng (một trăm mười bốn triệu, tám trăm tám chín nghìn, sáu trăm đồng) và được Y cấp cho ông D "Giấy chứng nhận nộp tiền mua cổ phần" năm 2010 thể hiện ông D đã mua **11.000** (mười một nghìn) cổ phần
của Y. Đến nay, Công ty Y vẫn chưa thể thực hiện trả lại tiền đầu tư cổ
phần của ông D cũng như những Nhà đầu tư mua cổ phần khác do Y phải chờ ý kiến chỉ đạo của Chính phủ về việc dừng cổ phần hóa. Y vẫn đang chờ phê duyệt phương án xử lý pháp nhân, dừng cổ phần hoá của các cấp có thẩm quyền để hoàn trả vốn cho các nhà đầu tư đã mua cổ phần của Y. Y đề nghị Quý Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, các đương sự không trình bày gì thêm và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên toà sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích vụ án. Vị đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự tố tụng mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đúng qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đại D đối với Công ty C.T.T.C I - Ngân hàng X (viết tắt là: Y), chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng mua bán cổ phần giữa ông Lê Đại D và Y; Buộc Y phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lê Đại D số tiền 114.889.600 đồng (một trăm mười bốn triệu, tám trăm tám chín nghìn, sáu trăm đồng) là khoản tiền ông D đã thanh toán cho Y để mua 11.000 (mười một nghìn) cổ phần của Y tại Trung Tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án Kinh doanh thương mại này là "Tranh chấp hợp đồng mua bán cổ phần" quy định tại khoản 1, điều 30 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ông Lê Đại D khởi kiện Công ty C.T.T.C I – Ngân hàng X (tên công ty viết tắt là: Y) về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán cổ phần". Bị đơn là Y hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế doanh nghiệp Nhà nước, mã số doanh nghiệp: 0100780297 (số ĐKKD cũ: 010600597) đăng ký lần đầu ngày 07/12/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 06/11/2018) người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Ngọc T; địa chỉ trụ sở chính: Số 4, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào quy định tại khoản 3, điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện: Ông Lê Đại D đã thực hiện mua tổng số 11.000 (mười một nghìn) cổ phần của Y tại Trung Tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Cụ thể vào đợt 1 ngày 18/12/2008, ông D mua 10.000 cổ phần; đợt 2 vào ngày 10/4/2009 mua 900 cổ phần và vào khoảng tháng 5/2009 mua 100 cổ phần ưu đãi. Tổng số tiền ông D đã nộp cho Y số tiền là 114.889.600 đồng (một trăm mười bốn triệu, tám trăm tám chín nghìn, sáu trăm đồng) và được Y cấp cho ông D "Giấy chứng nhận nộp tiền mua cổ phần" năm 2010 thể hiện ông D đã mua 11.000 (mười một nghìn) cổ phần của Y. Ngày 30/12/2019, Tòa án nhân dân quận Đống Đa nhận được đơn khởi kiện của ông Lê Đại D đối với Y. Đây là tranh chấp Hợp đồng mua bán cổ phần do việc thành lập Công ty cổ phần không thực hiện được theo quy định của pháp luật, bên mua cổ phần yêu cầu bên bán cổ phần hoàn

trả số tiền đã nhận nên theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này không thuộc trường hợp phải áp dụng thời hiệu khởi kiện.

1.4. Về tư cách người đại diện:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Y là ông Phạm Ngọc T. Vụ án được thụ lý tháng 12/2019 nên việc xác định tư cách người đại diện theo pháp luật của đương sự được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 85 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Đại diện của pháp nhân có thể là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo uỷ quyền". Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2015 cũng quy định: " Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân bao gồm: người được pháp nhân chỉ định theo điều lệ; Người có thẩm quyền đại diện theo quy định của pháp luật; người do Toà án chỉ định trong quá trình tố tụng tại Toà án". Công ty Y là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước là đơn vị thành viên hạch toán độc lập, trực thuộc Ngân hàng X, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cho thuê tài chính, nhận tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở lên, phát hành trái phiếu và các giấy tờ có giá khác. Công ty Y hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế doanh nghiệp Nhà nước, mã số doanh nghiệp: 0100780297 (số ĐKKD cũ: 010600597) đăng ký lần đầu ngày 07/12/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 06/11/2018) người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Ngọc T (Nguyên Tổng giám đốc Công ty Y); hiện nay Y vẫn hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nói trên và chưa có sự thay đổi. Do có sự sắp xếp lại nhân sự nên ngày 12/6/2019, ông Trịnh Ngọc Khánh - Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng X đã có Quyết định số 436/QĐ – HĐTV – UBNS ngày 12/6/2019 về việc điều động cán bộ đối với ông Phạm Ngọc T: điều động ông Phạm Ngọc T, thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 – 2020 kiêm Tổng Giám đốc Công ty C.T.T.C I - Ngân hàng X (Y) nhận nhiệm vụ Giám đốc Agribank – Chi nhánh Tây Quảng Ninh; Thời hạn giữ chức vụ kể từ ngày 15/6/2019 cho đến khi đủ tuổi nghỉ chế độ hưu theo quy định. Do hiện nay Y chưa có Tổng giám đốc nên Y chưa làm thủ tục thay đổi người đại diện trong đăng ký kinh doanh được.

Theo Quyết định về bổ nhiệm cán bộ số 807/QĐ – HĐTV – UBNS ngày 02/10/2019 của ông Phạm Hoàng Đ – TM. Hội đồng thành viên – TUQ.Chủ tịch Hội đồng thành viên – Thành viên Hội đồng thành viên – Ngân hàng X): Bổ nhiệm bà Trương Thị Xuân T, Phó Tổng giám đốc Công ty C.T.T.C I Agribank (Y) giữ chức vụ Tổng Giám đốc Y; Thời hạn giữ chức vụ là 05 năm, kể từ ngày 10/10/2019. Từ nhận định trên thấy rằng việc bà Trương Thị Xuân T uỷ quyền cho ông Nguyễn Mạnh T tham gia tố tụng tại Toà án trong vụ án theo Giấy ủy quyền số 570/Y – HCNS ngày 06/12/2019 là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1.1 Về yêu cầu hoàn trả khoản tiền: 114.889.600 đồng (một trăm mười bốn triệu, tám trăm tám chín nghìn, sáu trăm đồng):

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Bộ tài chính và Ngân hàng X, Y được phép chuyển đổi mô hình hoạt động từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần. Y đã tiến hành đấu giá cổ phần tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ông Lê Đại D đã thực hiện mua tổng số 11.000 (mười một nghìn) cổ phần tương ứng với số tiền 114.889.600 đồng (một trăm mười bốn triệu, tám trăm tám chín nghìn, sáu trăm đồng) tại Trung Tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Tổng số tiền ông D đã nộp cho Y là 114.889.000 đồng (một trăm mười bốn triệu, tám trăm tám chín nghìn, sáu trăm đồng) và được Y cấp cho ông D "Giấy chứng nhận nộp tiền mua cổ phần" năm 2010 thể hiện ông D đã mua 11.000 (mười một nghìn) cổ phần của Y.

Căn cứ vào Điều 401 Bộ luật dân sự 2005 về Hình thức hợp đồng dân sự thì:

"1. Hợp đồng dân sự có thể được giao kết bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể, khi pháp luật không quy định loại hợp đồng đó phải được giao kết bằng một hình thức nhất định.

2. Trong trường hợp pháp luật có quy định hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng hoặc chứng thực, phải đăng ký hoặc xin phép thì phải tuân theo các quy định đó.

Hợp đồng không bị vô hiệu trong trường hợp có vi phạm về hình thức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác."

Như vậy, hành vi của phía Y đồng ý bán tổng số 11.000 (mười một nghìn) cổ phần cho ông Lê Đại D thông qua Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội còn ông D đồng ý mua tổng số 11.000 (mười một nghìn) cổ phần của Y được coi là Hợp đồng mua bán cổ phần hợp pháp. Trong Hợp đồng này nghĩa vụ của ông D là thanh toán khoản tiền mua 11.000 (mười một nghìn) cổ phần cho Y còn nghĩa vụ của Y là thực hiện việc cổ phần hóa và ghi nhận tư cách cổ đông của ông D trong Y.

Sau đó, do kết quả IPO của Y, số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư thông thường không đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định nên Công ty Y không tiến hành được Đại hội đồng cổ đông. Đến nay, ông D không được ghi nhận tư cách cổ đông và không được giải quyết quyền lợi. Công ty Y không thể hoàn tất việc cổ phần hóa doanh nghiệp và đã không cổ phần hóa thành công nhưng không thực hiện trả lại tiền đầu tư mua Cổ phần cho ông D.

Việc Công ty Y cổ phần hoá không thành công là do Y không thực hiện các biện pháp cần thiết để tiếp tục thực hiện việc cổ phần hóa theo quy định tại

Điều 43 Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01/8/2007 và hết hiệu lực vào ngày 05/09/2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần quy định tại Điều 43. Xử lý số lượng cổ phần không bán hết: **"**1. Nếu số lượng cổ phần không bán hết còn lại dưới 50% số lượng cổ phần chào bán (trừ số lượng cổ phần được bảo lãnh phát hành) thì điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ (tăng phần vốn nhà nước góp tại doanh nghiệp) để chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần. 2. Nếu còn lại từ 50% số lượng cổ phần chào bán trở lên (trừ số lượng cổ phần được bảo lãnh phát hành) thì cơ quan quyết định cổ phần hóa xem xét, điều chỉnh giảm giá khởi điểm (tối đa bằng mệnh giá cổ phần) và tổ chức đấu giá bán tiếp số cổ phần còn lại. 3. Trường hợp đã điều chỉnh giảm giá khởi điểm bằng mệnh giá cổ phần mà không có nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá hoặc không bán hết được số cổ phần còn lại thì cơ quan quyết định cổ phần hóa xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này".

Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ về chuyển DN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần để thay thế Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 thì tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 40 Xử lý số lượng cổ phần không bán hết quy định:

"....

2. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Các nhà đầu tư từ chối mua cổ phần sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc khi tham dự đấu giá.

3. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban Chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu."

Nghị định 126/2017/NĐ – CP của Chính Phủ ngày 16/11/2017 thay thế cho Nghị định 59/2011/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 tại Điều 37 Xử lý cổ phần không bán hết quy định:

"1. Trường hợp không có nhà đầu tư nào đăng ký mua cổ phần, Ban Chỉ đạo thực hiện bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã duyệt, đồng thời thực hiện các thủ tục để chuyển doanh nghiệp sang công ty cổ phần, số lượng cổ phần chưa bán được sẽ được điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ và thực hiện thoái vốn sau khi doanh nghiệp đã hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần…"

Như vậy, trường hợp chào bán công khai mà không bán hết thì Công ty Y phải báo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa để điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển 100% vốn Nhà Nước thành Công ty cổ phần sau đó tiến hành họp Đại hội cổ đông lần đâu ghi nhận tư cách cổ đông của những nhà đầu tư đã mua cổ phần của Y (như ông D). Tuy nhiên trên thực tế sau khi chào bán không hết số lượng cổ phần cho các nhà đầu tư thì phía Y không hề tiến hành thêm bất cứ hoạt động nào khác để hoàn thành việc cổ phần hóa.

Quá trình giải quyết việc tại phiên tòa, Công ty Y không cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh đã thực hiện các biện pháp cần thiết để hoàn thành việc cổ phần hóa và ghi nhận tư cách cổ đông cho ông D trong thời gian từ năm 2008 tới nay.

Theo quy định tại Điều 41 Nghị định 109/2007/NĐ-CP và sau khi Nghị định số 59/2011/NĐ-CP thay thế cho Nghị định 109/2007/NĐ-CP thì tại Điều 44 cũng đều ghi nhận thời hạn hoàn thành việc bán cổ phần là 03 tháng kể từ ngày phê duyệt phương án cổ phần hóa. Nghị định 126/2017/NĐ-CP thay thế cho Nghị định 59/2011/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 thì thời hạn hoàn thành việc bán cổ phần tuy được tăng lên nhưng cũng chỉ là 04 tháng kể từ ngày phê duyệt phương án cổ phần hóa (Điều 38 của Nghị định). Tuy nhiên tính tới thời điểm hiện tại đã hơn 10 năm kể từ thời điểm Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo việc ông D mua thành công tổng số 11.000 cổ phần của Y thì việc cổ phần hóa Y vẫn chưa hoàn thành. Nay Y đã xác nhận việc cổ phần hoá của Y không thành công. Ông D đã yêu cầu Y giải quyết quyền lợi do đã thanh toán khoản tiền mua 11.000 cổ phần của Y nhưng Y luôn lấy lý do chờ ý kiến chỉ đạo của các Cơ quan chủ quản có thẩm quyền. Đối chiếu với các quy định pháp luật như đã nêu trên thấy rằng trách nhiệm thực hiện việc cổ phần hóa là của Y mà cụ thể là của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Y chứ không phụ thuộc vào bất cứ chỉ đạo của Cơ quan chủ quản có thẩm quyền nào khác.

Theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 tại Khoản 1 Điều 351Trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ thì "Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ".

Theo quy định trên thì Y đã không thực hiện nghĩa vụ của mình đó là hoàn thành công việc cổ phần hóa Y và Y là bên hoàn toàn có lỗi trong giao dịch dân sự mua bán cổ phần với ông D.

Từ thời điểm bà Nhàn thanh toán toàn bộ số tiền mua 11.000 cổ phần của Y, ông D đã nhiều lần yêu cầu phía Y giải quyết quyền lợi liên quan tới việc mua bán cổ phần này (đó là việc ghi nhận tư cách cổ đông của Y) nhưng Y không thể thực

hiện được nội dung trên mặc dù thời gian đã diễn ra kéo dài tới hơn10 năm và phía Ngân hàng Nhà nước (cơ quan phê duyệt phương án cổ phần hóa Y) đã yêu cầu hủy bỏ việc chào bán cổ phần của Y.

Theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 cụ thể: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 424 về việc hủy bỏ hợp đồng do chậm thực hiện nghĩa vụ: "Trường hợp do tính chất của hợp đồng hoặc do ý chí của các bên, hợp đồng sẽ không đạt được mục đích nếu không được thực hiện trong thời hạn nhất định mà hết thời hạn đó bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ thì bên kia có quyền hủy bỏ hợp đồng mà không phải tuân theo quy định tại khoản 1 Điều này"và Khoản 2 Điều 427 quy định hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng "Các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận sau khi trừ chi phí hợp lý trong thực hiện hợp đồng và chi phí bảo quản, phát triển tài sản". Nay, ông D yêu cầu công ty Y hoàn trả toàn bộ số tiền đã nhận của ông D là 114.889.600 đồng (Một trăm mười bốn triệu, tám trăm tám chín nghìn, sáu trăm đồng) là khoản tiền ông D đã thanh toán cho công ty Y để mua 11.000 (mười một nghìn) cổ phần của Y tại Trung Tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của ông Lê Đại D được chấp nhận, nên ông Lê Đại D không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp; Y phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 70; Điều 72; Điều 147; Điều 184; khoản 2, Điều 271; Điều 273; Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 401, 405 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Khoản 1 Điều 351; Điều 360; Khoản 1, Khoản 2 Điều 361; Khoản 2 Điều 424; khoản 2, 3 Điều 427; 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị định 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà Nước và Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp có vốn điều lệ thành Công ty cổ phần ngày 16/11/2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cho ông Lê Đại D đối với Công ty C.T.T.C I - Ngân hàng X.

2. Tuyên bố chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng mua bán cổ phần giữa ông Lê Đại D và Công ty C.T.T.C I - Ngân hàng X.

Buộc Công ty C.T.T.C I - Ngân hàng X phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lê Đại D số tiền: **114.889.600 đồng (một trăm mười bốn triệu, tám trăm tám chín mươi tám nghìn, sáu trăm đồng)** là khoản tiền ông Lê Đại D đã thanh toán cho Công ty C.T.T.C I – Ngân hàng X theo "Giấy chứng nhận nộp tiền mua cổ phần" năm 2010.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Công ty C.T.T.C I – Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam phải chịu tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là: **5.700.000 đồng (Năm Triệu bảy trăm nghìn đồng)** (Chưa nộp).

Ông Lê Đại D không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại. Hoàn trả cho bà Nhàn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009510 ngày 27/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự, và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn là ông Lê Đại D; có mặt bị đơn là Công ty C.T.T.C I – Ngân hàng X do ông Nguyễn Mạnh T là người đại diện theo ủy quyền. Công ty C.T.T.C I – Ngân hàng X có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông Lê Đại D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hạnh